

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 17 tháng 3 năm 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Năm**

2. Ông **Duyên Văn Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Len** - Là Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Dân** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-ST ngày 01 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Lê Minh N**, sinh năm 1975; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 4/12; Cha: Lê Minh A (Đã chết); Mẹ: Nguyễn Thùy N (Đã chết); Anh, chị, em ruột: 01 người (Sinh năm 1979); Vợ: Nguyễn Xuân Á, sinh năm 1989; Con: 02 người (Sinh năm 2008); Tiền sự: Không; Tiền án: 01 (Ngày 12/02/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2019, chưa được xóa án tích); Bị bắt trong trường hợp bắt người phạm tội quả tang ngày 07/12/2020, sau đó đến ngày 10/12/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay (Bị cáo có mặt).

- Bị hại: Anh **Trương Văn B**, sinh năm 1981 (Vắng mặt). Trú tại: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Người làm chứng: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1994 (Vắng mặt). Trú tại: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 07/12/2020, N điều khiển xe hiệu Wave biển số 69B1-442.50 đi qua phà Rẫy Mới thuộc ấp Rẫy Mới, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời. Khi vừa qua phà, N quan sát thấy nhà của ông B (gần bến phà Rẫy Mới) khép cửa, không khóa, chỉ quấn lại sợi dây xích bằng kim loại, không có ai ở nhà. N lén lút mở cửa và quấn lại sợi dây xích đúng với hiện trạng ban đầu rồi vào nhà tìm tài sản có giá trị để lấy. N tìm được trong tủ áo bằng nhựa ở cửa buồng ngủ số tiền 2.310.000 đồng, N lấy hết số tiền này bỏ vào ví mang theo trong người, N nhìn thấy con heo đất để ở đầu giường nên lấy đập bể thấy có nhiều tiền mệnh giá nhỏ nên N gom bỏ vào túi quần đang mặc, tiếp đến N mở cốp xe máy trong nhà, khi đang mở cốp thì ông B về nhà, N chui xuống gầm giường ngủ trong buồng để trốn, ông B phát hiện nhà bị trộm đột nhập, ông B cùng với Nguyễn Văn T tìm và phát hiện N trốn dưới gầm giường trong buồng, ông B bắt giữ N và báo Công an xã Phong Điền đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng với tang vật vụ án lúc 09 giờ cùng ngày. Số tiền N lấy trộm của ông B gồm 2.421.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời thu giữ: 01 ví da màu nâu, Tiền Việt Nam 495.000 đồng, 01 điện thoại di động Goly màu xám, 01 mũ bảo hiểm màu đen có chữ BURBERRI; 01 xe máy hiệu Wave biển kiểm soát 69B1-442.50; nhiều mảnh vỡ heo đất.

Tại, Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố Lê Minh N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng số: 12/CT-VKS ngày 04 tháng 02 năm 2021 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Minh N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; trả lại cho bị cáo N 01 ví da màu nâu, Tiền Việt Nam 495.000 đồng, 01 điện thoại di động Goly màu xám, 01 mũ bảo hiểm màu đen có chữ BURBERRI; tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 xe máy hiệu Wave biển kiểm soát 69B1-442.50, tịch thu tiêu hủy vật chứng là nhiều mảnh vỡ heo đất (Vật chứng được Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 02 năm 2021).

Bị cáo thống nhất bản luận tội của Viện kiểm sát, không tham gia tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thời, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 08 giờ, ngày 07/12/2020, tại ấp Rẫy Mới, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, bị cáo đã có hành vi lén lút vào nhà ông B lấy trộm số tiền 2.421.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Trước đó bị cáo là người đã có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” được xét xử tại Bản án hình sự số: 13/2018/HS-ST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2019, chưa được xóa án tích, nay bị cáo tiếp tục phạm tội “Trộm cắp tài sản” là thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị Tòa án các cấp xét xử nhiều lần về tội “Trộm cắp tài sản”, “Trốn khỏi nơi giam” và gần đây là tại Bản án hình sự số: 13/2018/HS-ST ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2019, chưa được xóa án tích, nhưng bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội. Lỗi phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cho thấy bị cáo là tên tội phạm nguy hiểm, liều lĩnh và xem thường pháp luật, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Về tình tiết tăng nặng: Không; Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1

Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xong, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng cho bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 2.421.000 đồng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời đã giao trả lại cho ông B (tại Quyết định số: 91 ngày 25/01/2021). Tại phiên tòa, ông B vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết tiếp.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trần Văn Thời đã thu giữ của bị cáo N gồm: 01 ví da màu nâu, Tiền Việt Nam 495.000 đồng, 01 điện thoại di động Goly màu xám, 01 xe máy hiệu Wave biển kiểm soát 69B1-442.50, 01 đôi dép quay kẹp màu đỏ, 01 mũ bảo hiểm màu đen có chữ BURBERRI. Xét, đây là tài sản hợp pháp của bị cáo, nên cần giao trả lại cho bị cáo N là phù hợp. Đối với vật chứng là nhiều mảnh vỡ heo đất, đây là tài sản không còn giá trị nên cần tuyên bố tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[6] Về thủ tục tố tụng: Bị hại Trương Văn B, người làm chứng Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có lời khai tại hồ sơ và không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[7] Về án phí: Do bị cáo đã bị kết án nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 3; Điều 6; Điều 21; Điều 22; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Minh N 02 (Hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù của bị cáo được tính kể từ ngày 10/12/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Lê Minh N các tài sản sau: 01 ví da màu nâu, Tiền Việt Nam 495.000 đồng, 01 điện thoại di động Goly màu xám, 01 xe máy hiệu Wave biển kiểm soát 69B1-442.50, 01 đôi dép quay kẹp màu đỏ, 01 mũ bảo hiểm màu đen có chữ BURBERRI; Tịch thu tiêu hủy nhiều mảnh vỡ heo đất (Vật chứng được Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đang quản lý tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 02 năm 2021).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 3; Điều 6; Điều 21; Điều 22; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Minh N phải nộp số

tiền 200.000 đồng (Án phí hình sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Lê Minh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Trương Văn B được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; “Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (1b);
- CAND huyện Trần Văn Thời (1b);
- THADS huyện Trần Văn Thời (1b);
- Bị cáo; Bị hại (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
 (Đã ký)

Lâm Thành Quang